



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2015	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 24.810.000.000 đồng.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch - bổ nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Bì Long Sơn	Chủ tịch - miễn nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Nguyễn Hữu Hạnh	Thành viên - miễn nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Bì Long Sơn	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/4/2015
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Hướng Quảng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Ông Trịnh Văn Ba	Thành viên
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Bì Long Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Quang Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



BÌ LONG SƠN

Tổng Giám đốc



Số: 16.129/BCSX-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán lập tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty Cổ phần Công trình Giao Thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 34 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính với số tiền ước tính là 614.500.435 đồng. Nếu khoản dự phòng phải thu khó đòi trên được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ thì chỉ tiêu tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.449.985.798	293.311.679.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	4.931.489.772	9.011.339.762
1. Tiền	111		4.931.489.772	8.811.339.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	6.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	(5.2)	2.000.000.000	6.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.3)	228.651.681.364	219.908.405.860
1. Phải thu khách hàng	131		44.689.559.292	42.872.668.808
2. Trả trước cho người bán	132		28.093.238.057	21.344.826.538
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		155.868.884.015	155.690.910.514
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.4)	60.749.419.077	53.363.924.924
1. Hàng tồn kho	141		60.749.419.077	53.363.924.924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.117.395.585	4.628.008.771
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		179.504.416	193.673.119
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.178.880.734	3.721.158.005
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.560.978	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		742.449.457	713.177.647

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.201.671.975	75.490.115.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.719.503.699	884.130.836
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	(5.5)	1.719.503.699	884.130.836
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.989.654.677	63.348.373.083
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	19.857.076.054	21.573.168.639
+ Nguyên giá	222		33.018.142.212	33.003.679.393
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.161.066.158)	(11.430.510.754)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.7)	3.655.028.064	279.720.000
+ Nguyên giá	228		3.655.028.064	279.720.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	45.477.550.559	41.495.484.444
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	10.320.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.9)	1.000.000.000	10.320.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		492.513.599	937.611.215
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		492.513.599	937.611.215
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.651.657.773	368.801.794.451

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		326.527.918.725	321.634.378.490
I. Nợ ngắn hạn	310		136.922.480.930	122.165.749.037
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	74.249.505.836	63.885.326.729
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	25.404.490.170	36.175.340.636
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	29.227.347.988	16.287.057.922
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	743.986.131	312.473.437
5. Phải trả người lao động	315		502.844.746	1.110.732.655
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	3.928.116.915	2.959.242.103
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	3.060.388.935	1.559.925.346
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quý khen thưởng, phúc lợi	323		(194.199.791)	(124.349.791)
II. Nợ dài hạn	330		189.605.437.795	199.468.629.453
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.15)	92.130.000.000	92.130.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	40.363.550.000	49.603.550.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	(5.17)	57.111.887.795	57.735.079.453
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.123.739.048	47.167.415.961
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.18)	48.123.739.048	47.167.415.961
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.182.884.718	21.182.884.718
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.130.854.330	1.174.531.243
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		374.651.657.773	368.801.794.451

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG THỊ THANH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



BÌ LONG SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		79.794.123.421	76.916.069.384
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	79.794.123.421	76.916.069.384
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	70.433.108.085	70.545.104.541
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.361.015.336	6.370.964.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	1.630.858.170	2.216.898.621
7. Chi phí tài chính	22		3.483.858.072	3.064.290.080
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.483.858.072	3.064.290.080
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	1.064.932.289	62.940.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	5.079.298.952	4.728.314.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.363.784.193	732.318.957
11. Thu nhập khác	31		56.286.278	78.809.167
12. Chi phí khác	32		186.960.917	7.701.081
13. Lợi nhuận khác	40		(130.674.639)	71.108.086
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.233.109.554	803.427.043
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	274.782.467	177.966.639
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		958.327.087	625.460.404
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.18.4)	358	120

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG THỊ THANH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC




BÌ LONG SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.233.109.554	803.427.043
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.730.555.404	1.620.182.268
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.696.738.170)	(6.277.697)
Chi phí lãi vay	06		3.483.858.072	3.064.290.080
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.750.784.860	5.481.621.694
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.082.203.884)	(5.259.329.149)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.385.494.153)	(9.797.569.741)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.571.311.147	2.731.347.015
Tăng giảm chi phí trả trước	12		459.266.319	(190.855.006)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.483.858.072)	(3.064.290.080)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(341.668.339)	(316.176.145)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		700.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(530.239.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.811.862.122)	(10.945.490.444)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.806.901.145)	(14.771.321.780)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.400.000.000	3.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.320.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.696.738.170	595.185.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.609.837.025	(10.676.136.398)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		54.845.016.261	69.477.284.738
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53.720.837.154)	(61.654.390.010)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.004.000)	(1.248.444.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.122.175.107	6.574.450.278
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(4.079.849.990)	(15.047.176.564)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.011.339.762	29.434.347.730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.931.489.772	14.387.171.166

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG THỊ THANH LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC




BÌ LONG SƠN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259916 thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 6 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 6 năm 2015 gồm:

- Xí nghiệp khai thác cát Đắc Lua tại số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp bê tông nhựa nóng tại số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng tại số 1 tại Thôn 1, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng tại số 2 tại Thôn 5, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Ban Quản lý dự án khu công nghiệp Thạnh Phú tại số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 118 (31/12/2014: 115).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng, dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa;
- Khai thác, thu gom than bùn;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Nạo vét kênh, rạch;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Thu gom rác thải độc hại, không độc hại;
- Xử lý, tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12;

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (dưới đây gọi tắt là "Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc quyết định vẫn lập báo cáo tài chính này theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính vì Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện việc chuyển đổi sang áp dụng Thông tư 200 và ảnh hưởng của việc áp dụng này được đánh giá là không trọng yếu.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

(Xem tiếp trang sau)

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 02 đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn được phân bổ dần từ 02 đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 31 năm
+ Máy móc thiết bị	02 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

4.8. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê. Các chi phí trực tiếp liên quan tới quá trình đàm phán và thu xếp các khoản thuê hoạt động được cộng vào giá gốc của tài sản cho thuê và được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

(Xem tiếp trang sau)

4.10. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Điều lệ Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

4.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.16. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Xây dựng công trình	10%
+ Bán vật liệu xây dựng	10%
+ Dịch vụ cho thuê	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công nợ tài chính khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

4.19. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại và điều chỉnh cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	VND	
	Số đầu năm	Số đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
<u>Sắp xếp lại</u>		
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.559.925.346	3.689.925.346
Phải trả dài hạn khác	92.130.000.000	90.000.000.000
Vay và nợ ngắn hạn	63.885.326.729	71.428.876.729
Vay và nợ dài hạn	49.603.550.000	42.060.000.000

Việc sắp xếp lại số liệu so sánh là để trình bày phù hợp hơn với bản chất của các khoản mục vì Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc sắp xếp lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc báo cáo tài chính.

Điều chỉnh

Chi phí phải trả	2.959.242.103	2.451.462.103
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.174.531.243	1.682.311.243

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được điều chỉnh để bổ sung chi phí thuế tài nguyên và phí môi trường theo báo cáo của Ban kiểm soát đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2015.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	589.821.946	637.008.636
Tiền gửi ngân hàng	4.341.667.826	8.174.331.126
Các khoản tương đương tiền	-	200.000.000
Tổng cộng	4.931.489.772	9.011.339.762

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	44.689.559.292	42.872.668.808
Trả trước cho người bán	28.093.208.157	21.344.826.538
Các khoản phải thu khác	155.868.884.015	155.690.910.514
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	228.651.651.464	219.908.405.860
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	228.651.651.464	219.908.405.860

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu dùng để thế chấp cho các khoản vay là 19.547.706.481 VND – Xem thêm mục 5.10, 5.16.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản phải thu của các bên liên quan là 2.167.143.350 VND – Xem thêm mục 8; khoản trả trước cho các bên liên quan là 139.700.000 VND – Xem thêm mục 8.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quý đất huyện Vĩnh Cửu	120.916.114.363	120.759.331.363
Ứng tiền đền bù mở đá Tân Cang cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa	34.909.660.000	34.909.660.000
Các khoản phải thu khác	43.109.652	21.919.151
Cộng	155.868.884.015	155.690.910.514

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.398.900.250	2.623.573.463
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	58.203.325.642	49.613.609.594
Thành phẩm	147.193.185	1.126.741.867
Cộng giá gốc hàng tồn kho	60.749.419.077	53.363.924.924
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	60.749.419.077	53.363.924.924

5.5. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ phục hồi, bảo vệ môi trường.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.824.315.145	17.016.438.691	13.034.011.732	128.913.825	33.003.679.393
Mua trong kỳ	-	-	14.462.819	-	14.462.819
Số dư cuối kỳ	2.824.315.145	17.016.438.691	13.048.474.551	128.913.825	33.018.142.212
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.273.824.693	3.457.545.384	6.586.830.863	112.309.814	11.430.510.754
Khấu hao trong kỳ	160.882.548	1.002.681.594	563.064.256	3.927.006	1.730.555.404
Số dư cuối kỳ	1.434.707.241	4.460.226.978	7.149.895.119	116.236.820	13.161.066.158
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.550.490.452	13.558.893.307	6.447.180.869	16.604.011	21.573.168.639
Tại ngày cuối kỳ	1.389.607.904	12.556.211.713	5.898.579.432	12.677.005	19.857.076.054

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 15.067.696.465 VND – Xem thêm mục 5.10 và 5.16.
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.050.854.646 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.7. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	279.720.000	-	279.720.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	3.375.308.064	3.375.308.064
Số dư cuối năm	279.720.000	3.375.308.064	3.655.028.064
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	279.720.000	-	279.720.000
Tại ngày cuối năm	279.720.000	3.375.308.064	3.655.028.064

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án mỏ đá Tân Cang 4	23.180.246.359	19.833.337.087
Dự án Khu công nghiệp Thanh Phú	22.297.304.200	18.579.897.648
Dự án mỏ cát	-	3.082.249.709
Tổng cộng	45.477.550.559	41.495.484.444

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
Góp vốn dự án cải tạo Quốc lộ 91	-	-	-	9.320.000.000
Cộng	100.000	1.000.000.000	100.000	10.320.000.000

Trong kỳ, Công ty đã bán khoản góp vốn vào dự án cải tạo Quốc lộ 91 cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 với số tiền thu được là 9.320.000.000 VND – Xem thêm mục 8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	62.649.505.836	59.995.326.729
Vay dài hạn đến hạn trả	11.600.000.000	3.890.000.000
Tổng cộng	74.249.505.836	63.885.326.729

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm đối với VND và được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban Quản lý dự án huyện Định Quán, quyền đòi nợ Ban Quản lý dự án huyện Nhơn Trạch, quyền đòi nợ Công ty Cổ phần BOT và Bê tông Đức Long Đặc Nông, toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 04/2014/HĐXD-CTAG ngày 14 tháng 8 năm 2014 và các phụ lục kèm theo (nếu có) được ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang – Xem thêm mục 5.3, 5.6.

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.16.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	25.404.460.270	36.175.340.636
Người mua trả tiền trước	29.227.347.988	16.287.057.922
Tổng cộng	54.631.808.258	52.462.398.558

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản phải trả cho các bên liên quan là 176.772.474 VND – Xem thêm mục 8; khoản người mua trả trước của các bên liên quan là 3.352.806.179 VND – Xem thêm mục 8.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	7.663.268	1.801.484.449	1.462.654.737	346.492.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.324.894	274.782.467	341.668.339	(16.560.978)
Thuế thu nhập cá nhân	21.065.642	49.207.132	46.844.762	23.428.012
Thuế tài nguyên	20.084.900	255.422.046	163.432.500	112.074.446
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	209.059.233	532.739.354	502.739.354	239.059.233
Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	4.275.500	74.846.960	56.191.000	22.931.460
Cộng	312.473.437	2.995.482.408	2.580.530.692	727.425.153

Số dư cuối kỳ thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.13. Chi phí phải trả

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí thuê máy thi công	2.051.263.582	-
Trích trước phí tài nguyên, môi trường	507.780.000	507.780.000
Trích trước chi phí khác	1.369.073.333	2.451.462.103
Tổng cộng	3.928.116.915	2.959.242.103

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.113.209	-
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	652.848.015	25.145.164
Tiền thuế đất được miễn đang chờ quyết toán lại	1.064.772.375	864.967.125
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	700.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	640.655.336	669.813.057
Tổng cộng	3.060.388.935	1.559.925.346

5.15. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận góp vốn vào dự án Khu Công nghiệp Thanh Phú và khoản nhận góp vốn vào dự án xí nghiệp cát.

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Phát Triển Khu công nghiệp	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	60.000.000.000	60.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	2.130.000.000	2.130.000.000
Số dư cuối năm	92.130.000.000	92.130.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản phải trả cho các bên liên quan là 90.000.000.000 VND – Xem thêm mục 8.

5.16. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngân hàng	38.043.550.000	46.503.550.000
Vay đối tượng khác	2.320.000.000	3.100.000.000
Tổng cộng	40.363.550.000	49.603.550.000

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 04 đến 07 năm với lãi suất từ 10%/năm đến 11,1%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 48.083.550.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10.040.000.000 VND (Xem thêm mục 5.10). Các khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban quản lý dự án huyện Định Quán, Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch và bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay – Xem thêm mục 5.3, 5.6.

Vay đối tượng khác là các khoản vay của tổ chức có thời hạn 05 năm với lãi suất từ 06%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.880.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.560.000.000 VND (Xem thêm mục 5.10). Các khoản vay được bảo đảm bằng bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi số 03/2012/HĐTĐ ngày 27 tháng 8 năm 2012 giữa công ty Cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Sonadezi Long Bình với Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai và Hợp đồng tiền gửi số 04/2012/HĐTG ngày 29 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp với Quý đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai – Xem thêm mục 8.

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

Chủ yếu là khoản nhận trước doanh thu tiền thuê hạ tầng của Công ty TNHH Chang Sing Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.18. Vốn chủ sở hữu**5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	24.810.000.000	19.978.758.024	1.160.642.664	2.868.148.045	48.817.548.733
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	1.044.109.111	1.044.109.111
Chia lợi nhuận dự án Bửu Long	-	-	-	(471.248.168)	(471.248.168)
Kết chuyển dự án 38HA Hóa An	-	-	-	392.032.670	392.032.670
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	43.484.030	-	(43.484.030)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(86.968.060)	(86.968.060)
Trích và chi cổ tức năm 2012, 2013	-	-	-	(2.528.058.325)	(2.528.058.325)
Kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	1.160.642.664	(1.160.642.664)	-	-
Số dư đầu năm nay	24.810.000.000	21.182.884.718	-	1.174.531.243	47.167.415.961
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	958.327.087	958.327.087
Chi cổ tức năm 2013	-	-	-	(2.004.000)	(2.004.000)
Số dư cuối kỳ	24.810.000.000	21.182.884.718	-	2.130.854.330	48.123.739.048

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Tổng cộng	24.810.000.000	24.810.000.000

5.18.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra	2.481.000	2.481.000
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
▪ Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.		

5.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế thuộc về cổ đông của Công ty	888.820.191	297.442.225
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.481.000	2.481.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	358	120

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu công trình, bê tông nhựa nóng	72.196.098.812	74.277.216.263
Doanh thu cho thuê Khu công nghiệp	1.326.479.594	1.368.475.118
Doanh thu khác	6.271.545.015	1.270.378.003
Doanh thu thuần	79.794.123.421	76.916.069.384

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn công trình, bê tông nhựa nóng	68.636.188.607	69.958.286.729
Giá vốn của hoạt động cho thuê Khu công nghiệp	90.810.188	34.679.666
Giá vốn của hoạt động khác	1.706.109.290	552.138.146
Tổng cộng	70.433.108.085	70.545.104.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.630.858.170	2.066.931.621
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	149.967.000
Tổng cộng	1.630.858.170	2.216.898.621

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	86.158.960	-
Chi phí bảo hành	669.849.627	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.761.864	62.940.000
Chi phí bằng tiền khác	154.161.838	-
Tổng cộng	1.064.932.289	62.940.000

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.470.810.690	2.614.826.075
Chi phí vật liệu quản lý	155.138.484	182.529.215
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.365.710	234.421.937
Chi phí khấu hao tài sản cố định	195.125.760	199.936.130
Thuế, phí và lệ phí	589.249.790	150.356.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	514.923.497	428.947.199
Chi phí bằng tiền khác	818.685.021	917.296.936
Tổng cộng	5.079.298.952	4.728.314.427

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	1.233.109.554	803.427.043
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	15.901.661	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(40.422.969)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.249.011.215	763.004.074
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	274.782.467	167.860.897
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	10.105.742
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	274.782.467	177.966.639

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.403.083.221	66.466.882.861
Chi phí nhân công	9.275.282.534	16.024.616.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.730.555.404	1.619.815.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.644.839.941	13.698.403.550
Chi phí khác bằng tiền	3.133.745.592	1.572.309.430
Tổng cộng	84.187.506.692	99.382.027.667

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Cho sáu tháng tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng cộng		VND
Doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
Từ khách hàng bên ngoài	78.467.643.827	75.547.594.266	1.326.479.594	1.368.475.118	79.794.123.421	76.916.069.384	
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	
Tổng cộng	78.467.643.827	75.547.594.266	1.326.479.594	1.368.475.118	79.794.123.421	76.916.069.384	
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	8.125.345.930	5.037.169.391	1.235.669.406	1.333.795.452	9.361.015.336	6.370.964.843	
Chi phí không phân bổ					6.144.231.241	4.791.254.427	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính					3.216.784.095	1.579.710.416	
Thu nhập tài chính					1.630.858.170	2.216.898.621	
Chi phí tài chính					3.483.858.072	3.064.290.080	
Lợi nhuận khác					(130.674.639)	71.108.086	
Lợi nhuận trước thuế					1.233.109.554	803.427.043	
Thuế thu nhập doanh nghiệp					274.782.467	177.966.639	
Lợi nhuận sau thuế					958.327.087	625.460.404	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các thông tin khác

	<u>Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng</u>		<u>Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp</u>		<u>Tổng công</u>	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	225.189.313.884	215.598.469.991	149.543.386.532	153.203.324.460	374.732.700.416	368.801.794.451
Tài sản không phân bổ					-	-
Tổng tài sản					374.732.700.416	368.801.794.451

	<u>Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng</u>		<u>Cho thuê hạ tầng khu công nghiệp</u>		<u>Tổng công</u>	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả của bộ phận	169.777.556.096	168.438.611.277	156.750.362.629	153.195.767.213	326.527.918.725	321.634.378.490
Nợ phải trả không phân bổ					-	-
Tổng nợ phải trả					326.527.918.725	321.634.378.490

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tráng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3.		
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.167.143.350	2.167.143.350
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	-	740.766.821
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	-	327.262.402
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	150.000.000
Cộng	2.167.143.350	3.385.172.573
		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.3.		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	85.000.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	54.700.000	-
Cộng	139.700.000	-
		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.11.		
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(176.772.474)	(281.264.694)
		VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước – Xem thêm mục 5.11.		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	(3.295.233.179)	-
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	(57.573.000)	-
Cộng	(3.352.806.179)	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác – Xem thêm mục 5.15.		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Cộng	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	814.018.906	-

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	20.740.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	1.818.182	-
Cộng	22.558.182	-

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Bán khoản góp vốn hợp tác đầu tư – Xem thêm mục 5.8.		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	9.230.000.000	-

- Bảo lãnh và thế chấp – Xem thêm mục 5.16.

Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty bằng hợp đồng tiền gửi hợp đồng tiền gửi số 03/2012/HĐTG ngày 27 tháng 8 năm 2012 giữa công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty bằng hợp đồng tiền gửi số 04/2012/HĐTG ngày 29 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp với Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	46.800.000	46.800.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	404.220.200	385.736.900
Tổng cộng	451.020.200	432.536.900

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn từ 5 đến 50 năm, với tiền thuê đất theo thông báo hàng năm.

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	453.906.700	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn ước tính theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Từ 1 năm trở xuống	1.114.899.500	1.097.314.100
Trên 1 năm đến 5 năm	4.169.669.923	3.937.583.068
Trên 5 năm	24.937.980.000	24.047.752.000
Tổng cộng	451.020.200	432.536.900

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.931.489.772	9.011.339.762
Phải thu khách hàng	44.689.559.292	42.872.668.808
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	6.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	10.320.000.000
Tài sản tài chính khác	1.719.503.699	884.130.836
Tổng cộng	54.340.552.763	69.488.139.406
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	114.613.055.836	113.488.876.729
Phải trả người bán và phải trả khác	117.534.460.270	128.305.340.636
Chi phí phải trả	3.928.116.915	2.959.242.103
Công nợ tài chính khác	700.000.000	-
Tổng cộng	236.775.633.021	244.753.459.468

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/06/2015			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	25.404.460.270	92.130.000.000	117.534.460.270
Chi phí phải trả	3.928.116.915	-	3.928.116.915
Các khoản vay	74.249.505.836	40.363.550.000	114.613.055.836
Công nợ tài chính khác	700.000.000	-	700.000.000
01/01/2015			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	36.175.340.636	92.130.000.000	128.305.340.636
Chi phí phải trả	2.959.242.103	-	2.959.242.103
Các khoản vay	63.885.326.729	49.603.550.000	113.488.876.729

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
30/06/2015			
Phải thu khách hàng	44.689.559.292	-	44.689.559.292
Đầu tư tài chính	2.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.719.503.699	1.719.503.699
01/01/2015			
Phải thu khách hàng	42.872.668.808	-	42.872.668.808
Đầu tư tài chính	6.400.000.000	10.320.000.000	16.720.000.000
Tài sản tài chính khác	-	884.130.836	884.130.836

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2015 đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HOÀNG THỊ THANH LIÊN

PHẠM TRẦN HƯNG THỊNH

BÌ LONG SƠN